

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔ LƯƠNG
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2022/HS-ST

Ngày: 21/01/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔ LƯƠNG, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Duy Phi

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Hùng, bà Đoàn Thị Quyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 01/2022/TLST-HS ngày 07 tháng 01 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2021/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 01 năm 2022 đối với các bị cáo.

1. Họ và tên: **Nguyễn Công Tr**, tên gọi khác: Không; sinh ngày: 28/9/1993 tại huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An. Nơi cư trú: Xóm 5, xã T, huyện Đ, tỉnh Nghệ An; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh, Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Con ông: Nguyễn Công T, sinh năm 1965, con bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1969; Vợ là Võ Thị T, sinh năm 1999; Con: chưa có; Tiền sự: Không; Tiền án Không; Bị can bị tạm giữ từ ngày 19/11/2021 đến ngày 24/11/2021, bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 25/11/2021. Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị cáo: **Nguyễn Thừa D**, tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 03/9/1990, tại huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An; Nơi cư trú: Xóm 5, xã T, huyện Đ, tỉnh Nghệ An; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Nguyễn Thừa T sinh năm: 1964, con bà Hồ Thị T, sinh năm: 1965; Vợ là: Nguyễn Thị Ngọc A, con: có 02 người con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo không bị tạm giữ tạm giam mà bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

3. Bị cáo: **Hoàng Văn K**, tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 25/10/1991, tại huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An; Nơi cư trú: Xóm 1, xã T, huyện Đ, tỉnh Nghệ An; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Hoàng Văn D, sinh năm: 1960, con bà Lê Thị L, sinh năm: 1965; Vợ, con: chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 19/11/2021 đến ngày 24/11/2021. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 25/11/2021. Có mặt tại phiên tòa.

4. Bị cáo: **Đặng Quang H**, tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 17/3/1994, tại huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An; Nơi cư trú: Xóm 2, xã T, huyện Đ, tỉnh Nghệ An; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ học vấn: 9/12; Con ông Đặng Q Phước (đã chết), con bà Hoàng Thị Ni, sinh năm: 1963; Vợ là Nguyễn Thị H, sinh năm 1994, con: 02 người con, con lớn sinh năm 2018, con nhỏ sinh năm 2021; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 19/11/2021 đến ngày 24/11/2021. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 25/11/2021. Có mặt tại phiên tòa.

5. Bị cáo: **Đặng Quang Đ**, tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 06/01/1997, tại huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An; Nơi cư trú: Xóm 1, xã T, huyện Đ, tỉnh Nghệ An; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Con ông Đặng Quang D (đã chết), con bà Hoàng Thị L, sinh năm: 1976; Vợ là Nguyễn Thị H, sinh năm 1998, con: 03 người, con lớn sinh năm 2018, con nhỏ sinh năm 2021; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Bản án số 87/2017/HSST ngày 28/12/2017 của TAND huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An xử phạt Đặng Quang Đ 10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 20 tháng về tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có”, bị cáo đã chấp hành xong ngày 28/8/2019; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 19/11/2021 đến ngày 24/11/2021. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 25/4/2021. Có mặt tại phiên tòa.

6. Bị cáo: **Đặng Quang T**, tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 29/01/1998, tại huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An; Nơi cư trú: Xóm 1, xã T, huyện Đ, tỉnh Nghệ An; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Đặng Quang S, sinh năm 1973, con bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1977; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Bản án số 87/2017/HSST ngày 28/12/2017 của TAND huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An xử phạt Đặng Quang T 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng về tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có”, bị cáo đã chấp hành xong ngày 28/12/2018; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 19/11/2021 đến ngày

24/11/2021. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 25/11/2021. Có mặt tại phiên tòa.

7. Bị cáo: **Nguyễn Văn Ch**, tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 16/6/1990, tại huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An; Nơi cư trú: Xóm 5, xã T, huyện Đ, tỉnh Nghệ An; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 11/12; Con ông Nguyễn Văn M, sinh năm:1950, con bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1953; Vợ là: Trần Thị T, sinh năm: 1989, con: Có 2 người con, con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam mà bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

8. Bị cáo: **Phạm Văn T**, tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 05/12/1997, tại huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An; Nơi cư trú: Xóm 1, xã T, huyện Đ, tỉnh Nghệ An; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do ; Trình độ học vấn: 9/12; Con ông Phạm Văn K, sinh năm:1964, con bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm: 1965; Vợ, con: chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 19/11/2021 đến ngày 24/11/2021. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 25/11/2021. Có mặt tại phiên tòa.

9. Bị cáo: **Nguyễn Tất N**, tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 24/6/1994, tại huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An; Nơi cư trú: Xóm 5, xã T, huyện Đ, tỉnh Nghệ An; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Nguyễn Tất H, sinh năm:1972, con bà Nguyễn Thị V, sinh năm: 1973; Vợ là Nguyễn Thị H; Con: Có 03 người con, con lớn nhất sinh năm 2015, con nhỏ nhất sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 19/11/2021 đến ngày 24/11/2021. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 25/11/2021. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 18 giờ 00 phút, ngày 18 tháng 11 năm 2021, bị cáo Nguyễn Công Tr cùng các bị cáo Hoàng Văn Kh, Phạm Văn T, Đặng Quang T, Đặng Quang Đ, Đặng Quang H đi uống rượu tại quán “Năm Anh Em” thuộc xã Q, huyện Đ, tỉnh Nghệ An. Tại đây, bị cáo Tr nói “*Tý nữa anh em ta có ngồi chơi tý không?*” (Ý bị cáo Nguyễn Công Tr rủ mọi người đánh bạc). Nghe vậy, Hoàng Văn Kh, Phạm Văn T, Đặng Quang T, Đặng Quang Đ, Đặng Quang H đồng ý. Liên sau đó, bị cáo Tr dùng điện thoại di động của mình có gắn sim số 0372773671 gọi điện cho bị cáo Nguyễn Thừa D và nói: “*Anh Dũng ơi, anh cho anh em vào chơi tý*” (Ý Tr nói cho D và mọi người vào đánh bạc tại nhà D).

Nghe bị cáo Tr nói vậy bị cáo D hiểu và đồng ý. Sau đó, bị cáo Tr nói với các bị cáo khác là “*Tý đến nhà anh Dũng chơi*” rồi tiếp tục dùng điện thoại nhắn tin cho bị cáo Nguyễn Văn Ch với nội dung “*Tý vào nhà anh Dũng chơi tý không?*” (Ý Trung hỏi Chung là có vào nhà Nguyễn Thừa D đánh bạc không?). Sau khi đọc được tin nhắn, bị cáo Ch hiểu ý bị cáo Tr rủ vào nhà Nguyễn Thừa D để đánh bạc nên Chung đồng ý và nhắn tin trả lời là “*Có*”. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, bị cáo Tr đứng dậy đi ra về, trên đường đi về Trung gặp Chung rồi cả hai người cùng đi đến nhà bị cáo Nguyễn Thừa D. Lúc này, bị cáo Nguyễn Tất N, đang ngồi uống nước tại nhà bị cáo D. Tại đây, các bị cáo Tr, C và N đi xuống gian bếp nhà của bị cáo D và thấy chiếu trải sẵn từ trước, trên tủ lạnh có 01 (Một) bộ bài tu lơ khơ. Thấy vậy, bị cáo Tr lấy bài tu lơ khơ xuống tráo bài cho đều. Khoảng 05 phút sau, lần lượt có Phạm Văn T, Đặng Quang T, Đặng Quang Đ, Đặng Quang H và Hoàng Văn Kh đi đến cùng tham gia đánh bạc. Các bị cáo thống nhất cách đánh bạc bằng hình thức đánh bài “*Liêng*”, mỗi người chơi được phát 03 (ba) quân bài. Trước khi phát, mỗi người bỏ tẩy là 10.000 đồng (mười nghìn đồng) và tố tối đa 30.000 đồng (ba mươi nghìn đồng). Cách tính điểm bài như sau: Nếu ba quân bài bằng nhau thì gọi là sấp); Ba quân bài liên tiếp nhau gọi là liêng. Về điểm số thì điểm 9 là cao điểm nhất, liêng cao nhất là Q,K,A có chất cơ là cao điểm nhất, sấp ba A,A,A có chất cơ là cao điểm nhất; Trong trường hợp có từ hai người trở lên bằng điểm nhau thì những người này có thể thỏa thuận mua hoặc xét chất theo thứ tự rô, cơ, chuồn, bích. Ván nào mua hoặc ván nào nhiều tiền thì bóc hồ cho bị cáo Nguyễn Thừa D 10.000 đồng (Mười nghìn đồng).

Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, bị cáo Đặng Quang H không tham gia đánh bạc nữa mà đi về nhà, các bị cáo còn lại tiếp tục đánh bạc. Đến khoảng 23 giờ, cùng ngày thì lực lượng Công an huyện Đô Lương, phối hợp với Công an xã Tân Sơn phát hiện, bắt quả tang về hành vi đánh bạc của các bị cáo.

Vật chứng thu giữ gồm:

- 01(một) bộ bài Tu-lơ-khơ 52 (năm mươi hai) quân đã qua sử dụng, thu giữ trên nền đất sau cửa sổ phòng bếp nhà Nguyễn Thừa D.
- 01 (một) chiếc chiếu cói màu nâu, kính thước khoảng 1,5x2m, đã qua sử dụng, thu giữ trên nền nhà phòng bếp của Nguyễn Thừa D.
- Số tiền 280.000 (Hai trăm tám mươi nghìn) đồng thu giữ trên chiếu cói nêu trên.
- Số tiền 110.000 (một trăm mười nghìn) đồng thu giữ trên tay phải của Đặng Quang Đ.
- Số tiền 500.000 (Năm trăm nghìn) đồng thu giữ trên túi quần bên trái của Đặng Quang Đ.
- Số tiền 20.000 (Hai mươi nghìn) đồng thu giữ trên tay trái của Phạm Văn T.
- Số tiền 20.000 (Hai mươi nghìn) đồng thu giữ trên tay trái của Nguyễn Tất N.

- Số tiền 40.000 (Bốn mươi nghìn) đồng thu giữ trên tay phải của Đặng Quang T.

- Số tiền 900.000 (Chín trăm nghìn) đồng thu giữ trong túi quần bên trái của Nguyễn Văn Ch.

- Số tiền 1.550.000 (Một triệu năm trăm năm mươi nghìn) đồng thu giữ trên tay trái của Hoàng Văn Kh.

- Số tiền 2.100.000 (Hai triệu một trăm nghìn) đồng thu giữ tại túi áo khoác phía trong, bên trái của Hoàng Văn Kh.

- Số tiền 190.000 (Một trăm chín mươi nghìn) đồng thu giữ tại túi áo khoác phía trong, bên trái của Nguyễn Thừa D.

Tổng số tiền thu giữ khi lập biên bản phạm tội quá tang là 5.710.000 (Năm triệu bảy trăm mười nghìn) đồng.

Quá trình điều tra chị Nguyễn Thị H là vợ của bị cáo Đặng Quang H đã nộp lại số tiền 1.900.000 đồng là tiền mà bị cáo H sử dụng để đánh bạc nhưng đã về cất giữ tại nhà bị cáo H; bà Nguyễn Thị N là mẹ đẻ của bị cáo Nguyễn Công Tr đã giao nộp số tiền 1.500.000 đồng là số tiền mà bị cáo Tr sử dụng để đánh bạc nhưng đã về cất tại nhà bị cáo Tr.

Như vậy, tổng số tiền đã thu giữ trong quá trình điều tra là 9.110.000 (Chín triệu một trăm mười nghìn) đồng.

Tại Kết luận giám định số 39/KL-PC09 (DD3-TL) của Phòng hình sự Công an tỉnh Nghệ An kết luận số tiền 9.110.000 đồng đã thu giữ của các bị cáo gửi đến giám định là tiền thật.

Quá trình điều tra đã xác định được số tiền các bị can sử dụng để đánh bạc cụ thể như sau:

- Nguyễn Công Tr sử dụng số tiền 950.000 (Chín trăm năm mươi nghìn) đồng.

- Hoàng Văn Kh sử dụng số tiền 3.300.000 (Ba triệu ba trăm nghìn) đồng

- Đặng Quang H sử dụng số tiền 2.200.000 (Hai triệu hai trăm nghìn) đồng.

- Đặng Quang Đ sử dụng số tiền 740.000 (Bảy trăm bốn mươi nghìn) đồng.

- Nguyễn Văn Ch sử dụng số tiền 600.000 (Sáu trăm nghìn) đồng.

- Phạm Văn T sử dụng số tiền 470.000 (Bốn trăm bảy mươi nghìn) đồng. -

Nguyễn Tất N sử dụng số tiền 430.000 (Bốn trăm ba mươi nghìn) đồng.

- Đặng Quang T sử dụng số tiền 420.000đ (Bốn trăm hai mươi nghìn đồng).

Quá trình giải quyết vụ án bị cáo Nguyễn Thừa D khai nhận: Vào 21 giờ ngày 18/11/2021, bị cáo D cho các bị cáo khác đánh bạc tại nhà của mình và đã thu tiền hồ với số tiền thu được là 190.000 đồng (Một trăm chín mươi nghìn đồng).

Như vậy, tổng số tiền các bị can sử dụng để đánh bạc là 9.110.000 đồng (chín triệu một trăm mười nghìn đồng).

Cáo trạng số 80/CT-VKS-ĐL ngày 04/01/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An truy tố các bị cáo Nguyễn Công Tr, Hoàng Văn Kh, Đặng Quang H, Đặng Quang Đ, Nguyễn Văn Ch, Phạm Văn T, Nguyễn Tất N, Đặng Quang T, Nguyễn Thừa D về tội "Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 321 BLHS.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị:

Về hình phạt:

- Áp dụng khoản 1 điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 của BLHS, xử phạt bị cáo Nguyễn Công Tr từ 09 tháng tù đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng kể từ ngày tuyên án.

- Áp dụng khoản 1 điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của BLHS, xử phạt bị cáo Đặng Quang Đ từ 09 tháng tù đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng kể từ ngày tuyên án.

- Áp dụng khoản 1 điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của BLHS, xử phạt bị cáo Đặng Quang T từ 09 tháng tù đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng kể từ ngày tuyên án.

- Áp dụng khoản 1 điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 của BLHS, xử phạt bị cáo Hoàng Văn Kh từ 06 tháng tù đến 09 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng kể từ ngày tuyên án.

- Áp dụng khoản 1 điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 của BLHS, xử phạt bị cáo Nguyễn Thừa D từ 06 tháng đến 09 tháng cải tạo không giam giữ.

- Áp dụng khoản 1 điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 của BLHS, xử phạt bị cáo Đặng Quang H từ 06 tháng tù đến 09 tháng cải tạo không giam giữ.

- Áp dụng khoản 1 điều 321; điểm i, s, p khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 của BLHS, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Ch từ 06 tháng đến 09 tháng cải tạo không giam giữ.

- Áp dụng khoản 1 điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 của BLHS, xử phạt bị cáo Nguyễn Tất N từ 06 tháng đến 09 tháng cải tạo không giam giữ.

- Áp dụng khoản 1 điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của BLHS, xử phạt bị cáo Phạm Văn T từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng.

Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền cho các bị cáo;

Về vật chứng:

- Áp dụng: Điều 47 BLHS; Điều 106 BLTTHS

- Tuyên xử: Tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền 9.110.000 đồng; Tịch thu hóa giá sung công quỹ nhà nước 01 (một) chiếc điện thoại di động hiệu REALME C3, màu xanh đen, số seri QSJ2DUSSOZPJW4GE, đã qua sử dụng, bên trong có gắn sim số 0865189237 của Nguyễn Thừa D; 01 (một) chiếc điện thoại di động hiệu SAMSUNG J7 Pro, màu vàng, có số IMEI 1: 356202093677211; số IMEI 2: 3562203093677219, đã qua sử dụng, có gắn sim số: 0372776371 thu giữ của Nguyễn Công Tr; 01 (một) chiếc điện thoại di động, hiệu OPPO A15, số seri ZDORSGLVEMGUCIG6, đã qua sử dụng, bên trong gắn sim số 0352233228, thu giữ của Nguyễn Văn Ch; Tịch thu tiêu hủy 01 (một) bộ bài tú lơ khơ có 52 quân bài thu giữ trên nền đất sau cửa sổ phòng bếp; 01 (một) chiếc chiếu cói màu nâu, kính thước khoảng 1,5x2m, đã qua sử dụng, thu giữ trên nền nhà phòng bếp của nhà bị cáo Nguyễn Thừa D.

Về án phí: các bị cáo Nguyễn Công Tr, Hoàng Văn Kh, Đặng Quang H, Đặng Quang Đ, Phạm Văn T, Nguyễn Tất N, Đặng Quang T, Nguyễn Thừa D phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm; miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Nguyễn Văn Ch theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng truy tố là đúng nên không tranh luận gì và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng:

Hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Đô Lương, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét hành vi của bị cáo:

Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã truy tố là đúng. Xét lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác đã được thẩm tra,

tranh tụng tại phiên tòa có cơ sở để kết luận: Vào tối ngày 18/11/2021, tại nhà bị cáo Nguyễn Thừa D, thuộc xóm 5, xã T, huyện Đ, tỉnh Nghệ An các bị cáo Nguyễn Công Tr, Hoàng Văn Kh, Đặng Quang H, Đặng Quang Đ, Phạm Văn T, Nguyễn Tất N, Đặng Quang T, Nguyễn Văn Ch đã có hành vi đánh bạc bằng hình thức đánh “Liêng” với tổng số tiền các bị cáo sử dụng đánh bạc là 9.110.000 đồng. Bị cáo Nguyễn Thừa D mặc dù không trực tiếp tham gia đánh bạc nhưng bị cáo D đã cho 08 bị cáo khác sử dụng nhà của mình làm địa điểm đánh bạc và có thu tiền hồ với số tiền là 190.000 đồng. Tại thời điểm thực hiện hành vi đánh bạc các bị cáo là người đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự; các bị cáo là người có đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình. Như vậy, hành vi các bị cáo Nguyễn Công Tr, Hoàng Văn Kh, Đặng Quang H, Đặng Quang Đ, Phạm Văn T, Nguyễn Tất N, Đặng Quang T, Nguyễn Thừa D, Nguyễn Văn Ch đã phạm vào tội “Đánh bạc” theo khoản 1 điều 321 Bộ luật hình sự như Cáo trạng truy tố là có căn cứ và đúng pháp luật.

[2.2] Xét tính chất hành vi của các bị cáo.

Tội phạm mà bị cáo thực hiện thuộc loại ít nghiêm trọng nhưng là nguy hiểm cho xã hội, gây ảnh hưởng đến trật tự trị an và an toàn xã hội tại địa phương và là nguyên nhân dẫn đến nhiều loại tội phạm khác. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý; động cơ mục đích phạm tội đánh bạc để có tiền tiêu xài cá nhân; Vì vậy, cần xử phạt nghiêm nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung. Đây là vụ án có đồng phạm nhưng mang tính chất giản đơn, tuy nhiên cần phân hóa vai trò, vị trí, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của mỗi bị cáo để xét xử cho mỗi bị cáo mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi của mỗi bị cáo. Trong vụ án này bị cáo Tr có vai trò lớn hơn, bị cáo Đ, bị cáo T là người đã từng bị Tòa án xét xử về tội chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có; bị cáo Kh là người sử dụng số tiền đánh bạc lớn nhất nên cần xét xử mức hình phạt cao hơn so với các bị cáo khác.

[2.2]. Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ: Đối với các bị cáo Nguyễn Công Tr, Hoàng Văn Kh, Đặng Quang H, Phạm Văn T, Nguyễn Tất N, Nguyễn Thừa D, Nguyễn Văn Ch đây là lần đầu tiên các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên đều được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS. Bị cáo Nguyễn Văn Ch là người thuộc đối tượng khuyết tật nặng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm p khoản 1 Điều 51 BLHS; bị cáo Nguyễn Tất N có ông nội là ông Nguyễn Tất Cần là người có công với cách mạng được tặng Huân

chương kháng chiến hạng nhất, bị cáo Đặng Quang H sau khi biết hành vi phạm tội của mình bị phát hiện nên đã đến Công an huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An để đầu thú về hành vi phạm tội của mình, bị cáo Nguyễn Văn Ch có cha đẻ là Nguyễn Văn Môn là người có công với cách mạng tham gia kháng chiến là thương binh hạng 4/4. Vì vậy, bị cáo H, bị cáo N, bị cáo Ch được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

Đối với bị cáo Đặng Quang Đ, bị cáo Đặng Quang T quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; Bị cáo Đặng Quang Đ có ông ngoại là Hoàng Đình T là người có công với cách mạng tham gia kháng chiến bị nhiễm chất độc màu da cam và hiện đang được hưởng chế độ ưu đãi của nhà nước, bị cáo Đặng Quang T có ông ngoại là Nguyễn Công N và bà ngoại Duy Thị C là người có công với cách mạng tham gia kháng chiến được nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng nhì nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS.

Vì vậy, cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Xét các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ và tội phạm mà bị cáo thực hiện thuộc tội ít nghiêm trọng, các bị cáo có nơi cư trú ổn định; bị cáo Đặng Quang Đ và bị cáo Đặng Quang T mặc dù đã từng bị Tòa án xét xử và đã chấp hành xong bản án, thời gian chấp hành xong bản án đã lâu, kể từ khi chấp hành xong bản án đến lần phạm tội này bị cáo Đ, bị cáo T luôn chấp hành tốt các chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước và quy định tại địa phương và nơi cư trú. Vì vậy, không cần thiết cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho các bị cáo cải tạo tại địa phương dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương và gia đình hoặc áp dụng hình phạt tiền cũng đủ sức răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

[2.4] Về hình phạt bổ sung và khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo: Đối với loại tội này ngoài hình phạt chính còn có hình phạt bổ sung là phạt tiền hoặc các bị cáo bị xử phạt với hình phạt cải tạo không giam giữ có thể bị áp dụng biện pháp khấu trừ thu nhập. Tuy nhiên, các bị cáo có hoàn cảnh, điều kiện kinh tế khó khăn hoặc bị áp dụng hình phạt chính là phạt tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền và miễn khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo.

[2.5]. Về vật chứng: Quá trình điều tra cơ quan Điều tra Công an huyện Đô Lương đã thu giữ các vật chứng gồm: Số tiền 9.110.000 đồng là tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc nên cần tịch thu sung công quỹ nhà nước; Đối với 01 (một) chiếc điện thoại di động hiệu REALME C3, màu xanh đen, số seri QSJ2DUSSOZPJW4GE, đã qua sử dụng, bên trong có gắn sim số 0865189237 của Nguyễn Thừa D; 01 (một) chiếc điện thoại di động hiệu SAMSUNG J7 Pro, màu vàng, có số IMEI 1: 356202093677211; số IMEI 2: 3562203093677219, đã qua sử

dụng, có gắn sim số: 0372776371 thu giữ của Nguyễn Công Tr; 01 (một) chiếc điện thoại di động, hiệu OPPO A15, số seri ZDORSGLVEMGUCIG6, đã qua sử dụng, bên trong gắn sim số 0352233228, thu giữ của Nguyễn Văn Ch là công cụ các bị cáo sử dụng liên lạc để thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu hóa giá sung công quỹ nhà nước; Đối với 01 (một) bộ bài tú lơ khơ có 52 quân bài thu giữ trên nền đất sau cửa sổ phòng bếp; 01 (một) chiếc chiếu cói màu nâu, kính thước khoảng 1,5x2m, đã qua sử dụng, thu giữ trên nền nhà phòng bếp của nhà bị cáo Nguyễn Thừa D là công cụ, phương tiện các bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội nay không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn Ch thuộc đối tượng người khuyết tật nặng nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 12 Pháp lệnh 326/2016/PL-UBTVQH; Các bị cáo Nguyễn Công Tr, Hoàng Văn Kh, Đặng Quang H, Đặng Quang Đ, Phạm Văn T, Nguyễn Tất N, Đặng Quang T, Nguyễn Thừa D phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Các đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An về việc giải quyết toàn diện vụ án là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 321 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Công Tr, Hoàng Văn Kh, Đặng Quang H, Đặng Quang Đ, Phạm Văn T, Nguyễn Tất N, Đặng Quang T, Nguyễn Thừa D, Nguyễn Văn Ch phạm tội "Đánh bạc".

Về hình phạt:

- Áp dụng: Khoản 1 điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 của BLHS

- Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Công Tr 12 (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 (hai mươi bốn) tháng kể từ ngày tuyên án (ngày 21/01/2022).

- Áp dụng: Khoản 1 điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của BLHS.

- Xử phạt: Bị cáo Đặng Quang Đ 12 (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 (hai mươi bốn) tháng kể từ ngày tuyên án (ngày 21/01/2022).

- Áp dụng: Khoản 1 điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của BLHS.

- Xử phạt: Bị cáo Đặng Quang T 12 (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 (hai mươi bốn) tháng kể từ ngày tuyên án (ngày 21/01/2022).

- Áp dụng: Khoản 1 điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 của BLHS.

- Xử phạt: Bị cáo Hoàng Văn Kh 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (Mười tám) tháng kể từ ngày tuyên án (ngày 21/01/2022).

Giao các bị cáo Đặng Quang Đ, Đặng Quang T, Hoàng Văn Kh cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Nghệ An quản lý, giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách. Giao bị cáo Nguyễn Công Tr cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Nghệ An quản lý, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định khoản 3 Điều 92; Điều 68 Luật thi hành án hình sự năm 2019..

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Áp dụng: Khoản 1 điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 của BLHS.

- Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thừa D 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục bị cáo nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

- Áp dụng: Khoản 1 điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 của BLHS.

- Xử phạt: Bị cáo Đặng Quang H 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ. Nhưng được trừ thời gian bị tạm giữ 06 ngày = 18 ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ còn lại là 08 (tám) tháng 12 (mười hai) ngày. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục bị cáo nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

- Áp dụng: Khoản 1 điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 của BLHS.

- Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Tất N09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ. Nhưng được trừ thời gian bị tạm giữ 06 ngày = 18 ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ còn lại là 08 (tám) tháng 12 (mười hai) ngày. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục bị cáo nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

- Áp dụng: Khoản 1 điều 321; điểm i, s, p khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 của BLHS.

- Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn Ch 06 (Sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục bị cáo nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao các bị cáo Nguyễn Thừa Dũng, Nguyễn Văn Ch, Nguyễn Tất N cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Nghệ An giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành án cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Giao bị cáo Đặng Quang H cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Nghệ An giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành án cải tạo không giam giữ. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo. Miễn khẩu trừ thu nhập cho các bị cáo Nguyễn Thừa D, Nguyễn Văn Ch, Nguyễn Tất N, Đặng Quang H.

Trường hợp người chấp hành án cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 100; Điều 68 Luật thi hành án hình sự năm 2019.

- Áp dụng: Khoản 1 điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của BLHS.

- Xử phạt bị cáo Phạm Văn T 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền cho các bị cáo;

Về vật chứng:

- Áp dụng: Điều 47 BLHS, Điều 106 BLTTHS.

- Tuyên xử: + Tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền 9.110.000 đồng (Chín triệu một trăm mười nghìn đồng) (theo biên bản giao nhận ngày 30 tháng 11 năm 2021 giữ Công an huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An với Kho bạc nhà nước huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An).

+ Tịch thu hóa giá sung công quỹ nhà nước 01 (một) chiếc điện thoại di động hiệu REALME C3, màu xanh đen, số seri QSJ2DUSOZPJW4GE, đã qua sử dụng, bên trong có gắn sim số 0865189237 của Nguyễn Thừa D; 01 (một) chiếc điện thoại di động hiệu SAMSUNG J7 Pro, màu vàng, có số IMEI 1: 356202093677211; số IMEI 2: 3562203093677219, đã qua sử dụng, có gắn sim số: 0372776371 thu giữ của Nguyễn Công Tr; 01 (một) chiếc điện thoại di động, hiệu OPPO A15, số seri ZDORSGLVEMGUCIG6, đã qua sử dụng, bên trong gắn sim số 0352233228, thu giữ của Nguyễn Văn Ch; Tịch thu tiêu hủy 01 (một) bộ bài tú lơ khơ có 52 quân bài thu giữ trên nền đất sau cửa sổ phòng bếp; 01 (một) chiếc chiếu cói màu nâu, kính thước khoảng 1,5x2m, đã qua sử dụng, thu giữ trên nền nhà phòng bếp của nhà bị cáo Nguyễn Thừa D.

(Theo biên bản giao nhận ngày 05 tháng 01 năm 2021 giữa Công an huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An).

Về án phí:

- Áp dụng: Điều 136 BLTTHS; Điều 12; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

- Tuyên xử: Các bị cáo Nguyễn Công Tr, Hoàng Văn Kh, Đặng Quang H, Đặng Quang Đ, Phạm Văn T, Nguyễn Tất N, Đặng Quang T, Nguyễn Thừa D mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm; miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Nguyễn Văn Ch.

- Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đô Lương;
- Công an huyện Đô Lương;
- Chi cục THA dân sự huyện Đô Lương;
- Các bị cáo;
- Sở tư pháp tỉnh Nghệ An;
- Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An;
- UBND nơi bị cáo cư trú;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Duy Phi